

TẠP CHÍ
**NGHIÊN CỨU KHOA HỌC
VÀ PHÁT TRIỂN**

JOURNAL OF SCIENTIFIC RESEARCH AND DEVELOPMENT

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THÀNH ĐÔ



ISSN 2815-570X

DOI: <https://doi.org/10.58902/tcnckhpt.v4i1>

Volume

4

Issue 1

March, 2025

TỔNG BIÊN TẬP	EDITOR IN CHIEF
Vũ Thị Thanh Minh	Vu Thi Thanh Minh
HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP	EDITORIAL BOARD
Phan Thị Thanh Thảo, Chủ tịch	Phan Thi Thanh Thao, Chairwoman
<i>Trường Đại học Thành Đô</i>	<i>Thanh Do University</i>
Phùng Văn Hoàn, Phó Chủ tịch	Phung Van Hoan, Vice Chairman
<i>Trường Đại học Thành Đô</i>	<i>Thanh Do University</i>
Đào Thị Ái Thi, Phó Chủ tịch	Dao Thi Ai Thi, Vice Chairwoman
<i>Trường Đại học Thành Đô</i>	<i>Thanh Do University</i>
Vũ Thị Thanh Minh, Phó Chủ tịch, Thư ký HĐ	Vu Thi Thanh Minh, Vice Chairwoman, Secretary
<i>Trường Đại học Thành Đô</i>	<i>Thanh Do University</i>
Trần Thọ Đạt	Tran Tho Dat
<i>Trường Đại học Kinh tế Quốc dân</i>	<i>National Economics University</i>
Phạm Văn Đức	Pham Van Duc
<i>Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam</i>	<i>Vietnam Academy of Social Sciences</i>
Võ Khánh Vinh	Vo Khanh Vinh
<i>Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam</i>	<i>Vietnam Academy of Social Sciences</i>
Phuah Kit Teng	Phuah Kit Teng
<i>Đại học Cao đẳng Tunku Abdul Rahman, Malaysia</i>	<i>Tunku Abdul Rahman University College, Malaysia</i>
Nguyễn Tiến Trung	Nguyen Tien Trung
<i>Tạp chí Giáo dục, Bộ Giáo dục và Đào tạo</i>	<i>Journal of Education, Ministry of Education and Training</i>
Huỳnh Lưu Đức Toàn	Huynh Luu Duc Toan
<i>Đại học Queen Mary London, Vương quốc Anh</i>	<i>Queen Mary University of London, United Kingdom</i>
Nguyễn Thu Hạnh	Nguyen Thu Hanh
<i>Học viện Khoa học Quân sự</i>	<i>Military Science Academy</i>
Phạm Hùng Hiệp	Pham Hung Hiep
<i>Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Giáo dục EdLab Asia</i>	<i>Edlab Asia</i>
Andrew Nghia Tran	Andrew Nghia Tran
<i>Đại học Quốc Gia Australia</i>	<i>Australian National University</i>
Nguyễn Thị Phước Vân	Nguyen Thi Phuoc Van
<i>Đại học Nam Queensland, Australia</i>	<i>University of Southern Queensland, Australia</i>
Đỗ Cảnh Thìn	Do Canh Thin
<i>Đại học Quốc gia Hà Nội</i>	<i>Hanoi National University</i>
Nguyễn Văn Rư	Nguyen Van Ru
<i>Trường Đại học Dược Hà Nội</i>	<i>Hanoi University of Pharmacy</i>
Nghiêm Thị Bích Diệp	Nghiem Thi Bich Diep
<i>Đại học Quốc gia Hà Nội</i>	<i>Hanoi National University</i>
Nguyễn Ngọc Linh	Nguyen Ngoc Linh
<i>Trường Đại học Thành Đô</i>	<i>Thanh Do University</i>
Lê Đức Huy	Le Duc Huy
<i>Trường Đại học Thành Đô</i>	<i>Thanh Do University</i>
Lê Bá Vinh	Le Ba Vinh
<i>Đại học Bergen, Na Uy</i>	<i>Bergen, Na Uy University</i>

Biên tập và trình bày
TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ PHÁT TRIỂN
Hiệu đính tiếng Anh
Đinh Thị Thanh Huyền
Nguyễn Ngọc Linh

In tại Hà Nội
Giá bán: 129.000VNĐ

MỤC ĐÍCH, SỨ MỆNH VÀ TÂM NHÌN

Tạp chí Nghiên cứu Khoa học và phát triển (Tên tiếng Anh: Journal of Scientific Research and Development) là cơ quan báo chí thực hiện chức năng nghiên cứu khoa học và ứng dụng khoa học, công nghệ của Trường Đại học Thành Đô. Tạp chí được Bộ Thông tin và Truyền Thông cấp giấy phép hoạt động số 430/GP-BTTTT ngày 24 tháng 8 năm 2022 và có mã số chuẩn quốc tế là: ISSN 2815-570X.

Tạp chí xuất bản theo định kỳ và thường xuyên trong năm, với mục đích: Công bố và phổ biến các kết quả nghiên cứu khoa học, công nghệ mới nhất của Trường Đại học Thành Đô, của Việt Nam và Thế giới; Thông tin chuyên sâu, chuyên ngành về nghiên cứu khoa học và ứng dụng khoa học, công nghệ vào thực tiễn; Cung cấp cơ sở khoa học về lý luận và thực tiễn phục vụ cho các cơ quan, tổ chức tham khảo, nghiên cứu trong quá trình hoạch định chiến lược, chính sách, hoạt động quản lý nhà nước trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học và phát triển. Tạp chí là diễn đàn trao đổi thông tin, trao đổi kinh nghiệm thực tiễn nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ tiên tiến, hiện đại trong nước và quốc tế.

Đáp ứng chuẩn mực và chất lượng khoa học ngày càng cao của Tạp chí, tất cả các bài viết gửi đăng trên Tạp chí đều được phản biện kín theo một quy trình chặt chẽ, khách quan bởi các nhà khoa học có uy tín, các chuyên gia đầu ngành trong lĩnh vực khoa học, công nghệ của Việt Nam và thế giới.

VISION, MISSION AND GOALS

Journal of Scientific Research and Development is a press agency of Thanh Do University performing the scientific research and applications of science and technology. The journal was licensed No 430/GP- BTTTT on 24th August, 2022 by Ministry of Information and Communications with the ISSN 2815-570X.

The journal is periodically published with the following goals/aims: Publicize the achievements of the latest scientific research and technology at Thanh Do University, in Vietnam and worldwide; provide in-depth and professional information on scientific research and applications of science, technology into the theory; provide practical and theoretical scientific basis for the organizations in the process of making policies and strategies, for the state management of scientific research and development. The journal is the forum for the exchanges of information and practical experiences in scientific research, for the applications of advanced and modern technology in the country and internationally.

To meet the increasingly strict requirements and standards of the journal, the articles submitted for publication are all closely reviewed under a secret and objective process by reputable scientists and leading experts in the field of science and technology of Vietnam and the world.

Tuyển sinh **2025** TDD



SAU ĐẠI HỌC

- Tiến sĩ Quản lý kinh tế
- Thạc sĩ Quản lý kinh tế
- Thạc sĩ Dược lý và Dược lâm sàng
- Thạc sĩ Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu



VỀ TDD

ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

14 Ngành đào tạo

QUẢN TRỊ KINH DOANH	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	NGÔN NGỮ ANH	DƯỢC HỌC
QUẢN TRỊ VẬN CHUYỂN	CNKIT Ô TÔ	NGÔN NGỮ TRUNG QUỐC	ĐIỀU DƯỠNG (Dự kiến)
KẾ TOÁN	CNKIT ĐIỆN - ĐIỆN TỬ	VIỆT NAM HỌC (Hướng dẫn du lịch)	
LUẬT	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	GIÁO DỤC HỌC (Tham vấn học đường)	

ĐẠI HỌC CHÍNH QUY ĐỐI TƯỢNG TỐT NGHIỆP TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP, CAO ĐẲNG

ĐẠI HỌC VỪA LÀM VỪA HỌC

ĐẠI HỌC TỬ XA

QUỸ HỌC BỔNG UNIGO



TẶNG LAPTOP
TÂN SINH VIÊN

Laptop trị giá
10
triệu đồng/suất



HỌC BỔNG CỘNG ĐỒNG

100% Học phí và ký túc xá

Tổng trị giá
7
tỷ đồng

HỌC BỔNG ĐỒNG HÀNH

100% Học phí kỳ 2

Tổng trị giá
780
triệu đồng

HỌC BỔNG TIẾP SỨC

50% Học phí toàn khóa

Tổng trị giá
2,1
tỷ đồng

HỌC BỔNG TÀI NĂNG

100% Học phí kỳ 2 và kỳ 3

Tổng trị giá
1,6
tỷ đồng

HỌC BỔNG Sinh viên QUỐC TẾ

50-100% học phí và miễn phí chỗ ở KTX

Tổng trị giá
3,5
tỷ đồng

HỌC BỔNG Tự hào XỨ ĐOÀI

30% học phí toàn khóa

Tổng trị giá
2
tỷ đồng

*Dành cho học sinh các trường THPT trên địa bàn Huyện Hoài Đức, Đan Phượng



TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ PHÁT TRIỂN

JOURNAL OF SCIENTIFIC RESEARCH AND DEVELOPMENT

Tổng biên tập: TS. Vũ Thị Thanh Minh

Địa chỉ tòa soạn: Km 15 - Quốc Lộ 32 - Kim Chung - Hoài Đức - Hà Nội

Điện thoại: 02433 861 601 (Máy lẻ 107)

Email: journal@thanhdouni.edu.vn

Website: <https://jsrd.thanhdo.edu.vn/>

Giấy phép xuất bản: Số 430/GP-BTTTT, cấp ngày 24 tháng 8 năm 2022

HƯỚNG DẪN TÁC GIẢ GỬI BÀI ĐĂNG TẠP CHÍ

INSTRUCTIONS FOR AUTHORS

Tạp chí Nghiên cứu Khoa học và Phát triển, trân trọng kính mời quý các nhà khoa học, các giảng viên, các nghiên cứu sinh, học viên cao học, sinh viên đang công tác, giảng dạy, nghiên cứu, học tập tại các trường đại học, các cơ quan, đơn vị nghiên cứu... trong và ngoài nước gửi các công trình khoa học đăng trên Tạp chí Nghiên cứu Khoa học và Phát triển.

Bài báo của quý tác giả gửi đến Tạp chí cần đảm bảo các quy định về đạo đức nghiên cứu và không đạo văn.

Quý tác giả vui lòng đọc và làm theo các hướng dẫn sau để đảm bảo bài báo của tác giả đáp ứng được các yêu cầu của Tạp chí.

Chuẩn bị và gửi đăng bài báo: Các bản thảo gửi đăng cần được định dạng ở dạng .doc hoặc .rtf. Bài báo tổng quan và bài báo trao đổi thông tin khoa học có số lượng từ 1.500 từ đến 3.000 từ; bài báo khoa học có số lượng từ 3.500 từ đến 7000 từ. Các bài báo cần có tóm tắt nội dung (cả tiếng Việt và tiếng Anh) là 150-250 từ và 3-5 từ khóa. Tất cả các bài báo đều được gửi phản biện kín bởi các chuyên gia uy tín.

Bản thảo gửi tới tạp chí được trình bày theo cấu trúc như sau:

1. Đặt vấn đề
2. Tổng quan nghiên cứu
3. Cách tiếp cận và Phương pháp nghiên cứu
4. Kết quả nghiên cứu
5. Bàn luận
6. Kết luận
7. Tài liệu tham khảo

Minh họa, bảng và biểu đồ: Các bảng dữ liệu trình bày trong bài báo được ghi thống nhất là Bảng. Các đồ thị, biểu đồ, sơ đồ trong bài được ghi thống nhất là Hình. Với các đồ thị/biểu đồ được xây dựng từ phần mềm Microsoft Excel, tác giả cần gửi kèm file gốc dưới định dạng .xls của đồ thị/biểu đồ đó. Với các hình được làm bằng các chương trình đồ họa (Corel Draw, Adobe Photoshop...) tác giả cần đính kèm file gốc. Với các hình dạng ảnh (photo), yêu cầu là file JPEG, TIF có độ phân giải không dưới 300 dpi.

Các bảng và hình trong bài viết phải được đánh số riêng biệt và theo thứ tự liên tục bằng chữ số Ả-rập. Các bảng/hình trong bài viết phải có đơn vị đo và cần được viện dẫn nguồn.

Tác giả chịu trách nhiệm về việc sử dụng nguồn tài liệu, các bảng, hình vẽ, trích dẫn dùng trong bài báo. Điều này áp dụng cả với những hình vẽ hoặc bảng là kết quả của việc sử dụng dữ liệu từ nguồn khác. Tất cả bài báo được chấp nhận, cũng như các bảng biểu, ảnh liên quan sau đó sẽ thuộc quyền sử dụng của Tạp chí (nhà xuất bản).

The Journal of Scientific Research and Development welcomes researchers, lecturers, graduate and undergraduate students from Vietnam and all around the world to submit their work for publication in our journal.

The papers submitted to The Journal of Scientific Research and Development must ensure that their manuscripts are ethically sound. Manuscripts containing plagiarized material are not allowed to publish in this journal.

Before submitting your manuscript, please ensure that you have read and followed the author's guidelines and instructions provided below.

Manuscript preparation: The manuscript's main text must be submitted as a Word document (.doc) or Rich Text Format (.rtf) file. Submissions for review and commentary articles should be between 1,500 to 3,000 words in length. Submissions for original empirical content should be between 3,500 to 7,000 words in length. The abstracts should be between 150 - 250 words, written in both Vietnamese and English, and followed by 3-5 keywords. All submissions are subjected to a blind peer review process.

The manuscript should be organized as follows:

1. Introduction
2. Literature review
3. Methods and Methodology
4. Results
5. Discussion
6. Conclusion
7. References

Images, tables and figures: All data tables presented in the manuscript should be labeled Table. All types of graphs, charts, and diagrams in the manuscript should be labeled as Figure. For the graphs/charts created in Microsoft Excel software, the authors need to provide each graph/chart in .xls format separately. For figures/images created with graphics software (Corel Draw, Adobe Photoshop, etc.), the authors need to provide each original image file separately in either JPEG or TIF format with a resolution of not less than 300 dpi.

Tables and figures in the paper must be numbered sequentially using Arabic numerals. Furthermore, the authors must present clear units of measurement and proper citations.

The authors are responsible for obtaining permission to reproduce copyrighted material from other sources, such as tables, figures, and quotes used in the article. These requirements apply to direct reproduction as well as "derivative reproduction" (where you have created a new figure or table which derives substantially from a copyrighted source). A submitted manuscript, when published, will become the property of the journal. This applies to all of the materials included in the manuscript.

MỤC LỤC – CONTENTS

CHIẾN LƯỢC, CHÍNH SÁCH VÀ PHÁP LUẬT	
1	Trần Đăng Bộ, Nguyễn Đức Thọ, Nguyễn Văn Trọng
	THEORETICAL ISSUES ON DIGITAL HUMAN RESOURCE DEVELOPMENT TO MEET THE REQUIREMENTS OF DIGITAL TRANSFORMATION, CURRENT STAGE 1
	Những vấn đề lý luận về phát triển nguồn nhân lực số đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số, giai đoạn hiện nay
KHOA HỌC, GIÁO DỤC VÀ CÔNG NGHỆ	
2	Hà Văn Dũng, Nguyễn Linh Chi, Đoàn Thị Phương Thục, Phạm Đình Văn, Nguyễn Thuý Dung
	SOME STUDIES ON INTEGRATED TEACHING COMPETENCE 10
	Một số nghiên cứu về năng lực dạy học tích hợp
3	Trần Thị Thùy, Trần Thị Linh Chi, Phạm Đức Nam
	LEARNERS' EVALUATION OF THE ACCOUNTING MAJOR (A CASE STUDY AT THANH DO UNIVERSITY) 18
	Đánh giá của người học đối với chuyên ngành Kế toán (Nghiên cứu trường hợp tại trường Đại học Thành Đô)
KINH TẾ VÀ XÃ HỘI	
4	Nguyễn Hữu Hải, Phạm Thị Thu Hiền
	BREAKTHROUGH IN ECONOMIC INSTITUTIONS IN VIETNAM TODAY 26
	Đột phá về thể chế kinh tế ở Việt Nam hiện nay
5	Nguyễn Ngọc Hải
	THE CURRENT SITUATION OF DIGITAL TECHNOLOGY APPLICATION AT COMMERCIAL BANKS IN VIETNAM 35
	Thực trạng ứng dụng công nghệ số tại các ngân hàng thương mại Việt Nam
6	Phùng Thị Nga, Hoàng Văn Hiệp
	PROTECTING THE ECOLOGICAL ENVIRONMENT IN SUSTAINABLE URBAN DEVELOPMENT IN VIETNAM: CURRENT SITUATION AND SOLUTIONS 44
	Bảo vệ môi trường sinh thái trong phát triển đô thị bền vững tại Việt Nam: Thực trạng và giải pháp
7	Lê Hồng Hoa, Trần Thị Khánh Chi
	VIETNAM'S WATER DIPLOMACY IN THE MEKONG SUB-REGION FROM 2016 TO PRESENT 52
	Ngoại giao nguồn nước của Việt Nam tại tiểu vùng sông Mekong từ năm 2016 đến nay
8	Vũ Thị Thanh Minh
	THE CURRENT IMPACT OF CUSTOMARY LAW ON GENDER EQUALITY IN ETHNIC MINORITY AREAS OF HA GIANG PROVINCE 60
	Thực trạng ảnh hưởng của luật tục đến bình đẳng giới ở vùng dân tộc thiểu số của tỉnh Hà Giang
KHOA HỌC SỨC KHỎE	
9	Nguyễn Văn Rư
	PRELIMINARY TESTING OF THE BIOLOGICAL AND IMMUNE-STIMULATING EFFECTS OF PIDOTIMOD MADE IN VIETNAM ON LABORATORY ANIMALS 70
	Thử nghiệm đánh giá bước đầu tác dụng sinh học và kích thích miễn dịch của Pidotimod sản xuất tại Việt Nam trên động vật thí nghiệm
10	Đỗ Thị Huyền Thương, Vũ Quốc Mạnh, Lê Thị Hiền, Nguyễn Thị Huyền Trang, Đào Thị Mai Hương, Phạm Văn Đại, Nguyễn Ngọc Linh, Phạm Thị Bích Đào
	RESEARCH ON MANUFACTURING SOAP FROM SPIRULINA ALGAE 76
	Nghiên cứu chế tạo xà bông từ tảo Spirulina
11	Đặng Vũ Hà, Trần Thị Thu Trang
	KNOWLEDGE AND BEHAVIORAL ATTITUDES OF STUDENTS IN THE SELF-USE OF ANTIBIOTICS 86
	Kiến thức và thái độ hành vi của sinh viên trong việc tự ý sử dụng kháng sinh
THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM	
12	Mai Thị Ngọc Huyền, Sơn Thanh Tùng
	THE IMPACT OF TECHNOLOGY ON JOURNALISTIC QUALITY IN THE CONTEXT OF DIGITAL TRANSFORMATION 93
	Tác động của công nghệ đến chất lượng báo chí trong bối cảnh chuyển đổi số

THE CURRENT IMPACT OF CUSTOMARY LAW ON GENDER EQUALITY IN ETHNIC MINORITY AREAS OF HA GIANG PROVINCE¹

Vu Thi Thanh Minh

Thanh Do University

Email: vttminh@thanhdo.edu.vn

Received: 13/3/2025; Reviewed: 16/3/2025; Revised: 20/3/2025; Accepted: 28/3/2025

DOI: <https://doi.org/10.58902/tcnckhpt.v4i1.219>

Abstract: Gender equality is one of the fundamental human rights, and the empowerment of women serves as a key indicator of a society's level of development and progress in democracy. In Vietnam, in recent years, the perspectives and policies of the Party and the State on gender equality have been continuously improved and effectively implemented, leading to a comprehensive transformation in awareness and behavior regarding the protection of women's equal rights with men in economic, political, cultural, and social aspects, both within families and in the broader community. As a particularly disadvantaged border province, Hà Giang has always paid special attention to gender equality efforts. However, many outdated customs and traditions continue to affect gender equality in ethnic minority communities. In response, Hà Giang has been implementing various policies and decisive measures to promote the positive values of customary law while preventing its negative impacts on gender equality. This article examines the current impact of customary law on gender equality in ethnic minority areas of Hà Giang province. Based on this analysis, it discusses key issues in applying customary law to gender equality, aiming to enhance its role in promoting gender equality in the region.

Keywords: The impact of customary law on gender equality; Gender equality; Ethnic minorities; Customary law; Hà Giang province.

1. Đặt vấn đề

Luật tục là những quy tắc, nguyên tắc ứng xử đã hình thành qua nhiều thế hệ, tồn tại trong cộng đồng dân cư. Mỗi dân tộc thiểu số (DTTS) có một hệ thống luật tục riêng, thể hiện bản sắc, đặc trưng riêng của dân tộc và được thành viên trong cộng đồng tuân theo một cách tự giác. Người vi phạm luật tục cũng đồng nghĩa với xúc phạm đến thần linh, đến đức tin của cả cộng đồng. Đến nay, cùng với pháp luật của Nhà nước, luật tục vẫn tồn tại và có một trí quan trọng trong việc điều chỉnh các mối quan hệ trong đời sống của đồng bào DTTS nói chung, điều chỉnh mối quan hệ giữa nam và nữ nói riêng.

Những năm qua, thực hiện quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước và phát huy giá trị của luật tục, tỉnh Hà Giang đã vận dụng luật tục vào thực hiện bình đẳng giới (BDG). Bên cạnh những kết quả đã đạt được, trong cộng đồng các DTTS ở Hà Giang, nơi vùng sâu, vùng xa vẫn

còn tồn tại các hủ tục, phong tục, tập quán lạc hậu, ảnh hưởng nhiều đến việc thực hiện BDG, đặc biệt là ở những nơi đồng bào DTTS ít người sinh sống. Vì vậy, nghiên cứu, đánh giá sâu thực trạng và ảnh hưởng của luật tục đối với BDG ở vùng DTTS của tỉnh Hà Giang là vấn đề có ý nghĩa thiết thực.

2. Tổng quan nghiên cứu

Đến nay có một số công trình nghiên cứu về ảnh hưởng, tác động của luật tục. Trong đó có những công trình tiêu biểu nghiên cứu về ảnh hưởng của luật tục đối với BDG của đồng bào DTTS miền núi phía bắc như sau:

Tác giả Bùi Thị Mừng (2008) với bài viết “Những yếu tố xã hội tác động đến thực hiện luật bình đẳng giới”, đăng trên tạp chí Luật học đã phân tích các yếu tố xã hội ảnh hưởng đến việc thực hiện luật BDG ở vùng DTTS. Tác giả Nguyễn Lê Thu (2012) với nghiên cứu “Tâm lý tự ti, an phận của phụ nữ và sự bất bình đẳng giới trong gia đình dân tộc H'Mông ở Hà Giang”, đăng trên Tạp

¹ This article is the research result of the project "The Impact of Customary Law on Gender Equality in Ethnic Minority Areas of Hà Giang Province – Current Situation and Solutions", conducted from 2022 to 2025.

chí Dân tộc và thời đại; bài viết “Tác động của phong tục tới thực hiện bình đẳng giới trong lao động gia đình dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc”, đăng trên Tạp chí Lao động và công đoàn (2016) và luận án tiến sĩ Triết học (2017): “Bình đẳng giới trong lao động gia đình dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc Việt Nam hiện nay” đã cho rằng, việc thực hiện BDG trong lao động gia đình của DTTS miền núi phía Bắc còn đứng trước rất nhiều khó khăn, thử thách. Trong gia đình DTTS miền núi phía Bắc hiện nay, về cơ bản vẫn còn mang nhiều định kiến giới, phân công lao động vẫn tuân theo quan điểm truyền thống của luật tục là “việc đàn ông”, “việc đàn bà”; “Phụ nữ vừa phải chăm sóc gia đình, vừa phải làm ra của cải cho gia đình như nam giới”... Điều đó, đã làm giảm giá trị lao động của phụ nữ, chính điều này đã cản trở họ trong việc tiếp cận, kiểm soát các nguồn lực để phát triển, hạn chế quyền quyết định trong lao động gia đình, cản trở quá trình thực hiện BDG trong lao động gia đình đồng bào DTTS. Trần Minh Hằng (2001), “Một số phong tục tập quán ảnh hưởng tới chăm sóc sức khỏe sinh sản cho phụ nữ các dân tộc tỉnh Hà Giang”, tạp chí Dân số và phát triển, phản ánh: quan niệm “nhiều con, nhiều phúc”, tâm lý muốn có con trai đang là trở ngại đáng kể đối với phụ nữ trong việc thực hiện quyền sinh sản, kế hoạch hóa gia đình. Nhiều phụ nữ không có quyền tự quyết định số con do sức ép của chồng, của gia đình chồng khao khát có con trai. Tác giả Phí Hùng Cường (2021), với bài viết “Một số yếu tố ảnh hưởng đến kết quả thực hiện bình đẳng giới ở khu vực miền núi phía Bắc nước ta hiện nay”, tạp chí Nghiên cứu Dân tộc, đã khái quát kết quả thực hiện BDG ở khu vực miền núi phía Bắc trong thời gian qua và chỉ ra hạn chế của công tác này. Từ đó, tập trung phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả thực hiện BDG ở khu vực miền núi phía Bắc, trong đó có đề cập đến sự ảnh hưởng của luật tục đến việc thực hiện BDG trên địa bàn.

Nhìn chung, các công trình trên đề cập đến sự chi phối của luật tục đến việc thực hiện BDG cũng như việc thực hiện quyền của nữ giới trong gia đình, cộng đồng và xã hội. Trên cơ sở đó, các công trình cũng khuyến nghị một số giải pháp để phát huy giá trị của luật tục, đồng thời hạn chế, khắc phục những ảnh hưởng tiêu cực của luật tục đối với việc thực hiện BDG hiện nay. Tuy nhiên, vẫn chưa có công trình nào đi sâu nghiên cứu về luật

tục của các DTTS ở Hà Giang và ảnh hưởng của nó đến thực hiện BDG của các DTTS ở Hà Giang. Do vậy, nghiên cứu “Thực trạng ảnh hưởng của luật tục đến BDG ở vùng dân tộc thiểu số của tỉnh Hà Giang” là nghiên cứu không trùng lặp với bất cứ công trình khoa học nào đã công bố.

3. Phương pháp nghiên cứu

Thực hiện nghiên cứu này, tác giả đã sử dụng nguồn tư liệu thứ cấp từ các nghiên cứu của các nhà khoa học có liên quan đến luật tục và BDG. Đồng thời khai thác tài liệu sơ cấp qua kết quả khảo sát, điều tra của đề tài “Ảnh hưởng của luật tục đến bình đẳng giới ở vùng dân tộc thiểu số của tỉnh Hà Giang – thực trạng và giải pháp” để phân tích thực trạng về ảnh hưởng của luật tục đến bình đẳng giới ở vùng DTTS tỉnh Hà Giang. Trên cơ sở đó, bàn luận về những vấn đề đặt ra trong quá trình vận dụng luật tục vào thực hiện BDG, nhằm phát huy tốt hơn vai trò của luật tục trong thực hiện BDG trên địa bàn.

4. Nội dung nghiên cứu

4.1. Ảnh hưởng tích cực của luật tục đến bình đẳng giới ở vùng dân tộc thiểu số, tỉnh Hà Giang

Tỉnh Hà Giang có 19 dân tộc anh em cùng chung sống, bao gồm dân tộc Mông (chiếm 34,46% dân số), Tày (22,43%), Dao (14,82%), Nùng (9,51%),...; và các dân tộc ít người như Pu Péo, Bô Y, Cờ Lao, Lô Lô, Pà Thẻn. Những luật tục phù hợp, tiến bộ có ảnh hưởng tích cực đến thực hiện BDG của các dân tộc ở các mức độ khác nhau. Có thể nhận thấy những ảnh hưởng tích cực chủ yếu sau:

Những luật tục phù hợp, tiến bộ đã và đang tạo cơ sở để nâng cao nhận thức, hình thành, phát triển thái độ, hành vi đúng đắn trong thực hiện bình đẳng giới.

Một số quy định của luật tục phù hợp với pháp luật đã ăn sâu vào nhận thức đồng bào, tạo cơ sở thuận lợi cho việc nhận thức về pháp luật liên quan đến BDG. Chính việc am hiểu luật tục tiến bộ đã giúp đồng bào các DTTS trên địa bàn tỉnh dễ dàng tiếp nhận các quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình, các chính sách liên quan đến BDG, chính sách đối với phụ nữ và trẻ em. Một số quy định của luật tục đến nay vẫn còn phù hợp, khá tương đồng với quy định của pháp luật như: hôn nhân một vợ, một chồng; nghiêm cấm ngoại tình; trách nhiệm của các thành viên trong xây dựng gia đình êm ấm, hòa thuận; các chuẩn mực ứng xử

KINH TẾ VÀ XÃ HỘI

trong quan hệ vợ - chồng, cha mẹ - con cái, ông bà - con cháu; trách nhiệm đối với cộng đồng,... đã giúp cho đồng bào tiếp nhận các quy định của pháp luật có liên quan đến vấn đề này dễ dàng hơn. Những luật tục tiến bộ đang tồn tại trong đời sống cộng đồng đã giúp đồng bào tiếp nhận nhanh hơn, đầy đủ và sâu sắc hơn các quy định của pháp luật có liên quan đến BDG.

Một số luật tục phù hợp với quy định của pháp luật đã ảnh hưởng tích cực đến hành vi ứng xử của đồng bào trong quan hệ hôn nhân, gia đình và cộng đồng. Những thói quen, phong tục, tập quán của đồng bào được thực hiện theo luật tục đã làm cho việc thực hiện pháp luật về BDG trở nên tự giác, làm cho các quy định của pháp luật dễ dàng đi vào cuộc sống của đồng bào. Việc đồng bào điều chỉnh hành vi của mình theo những quy định tiến bộ của luật tục đã làm cho những quy định của pháp luật được thực hiện một cách nghiêm túc. Đặc biệt, luật tục đã và đang trở thành môi trường làm cho các quy định của pháp luật về BDG không ngừng phát triển trong cuộc sống của đồng bào.

Kết quả điều tra, khảo sát 210 phiếu dành cho cán bộ cấp xã, huyện, tỉnh thuộc đề tài “Ảnh hưởng của luật tục đến bình đẳng giới ở vùng dân tộc thiểu số của tỉnh Hà Giang - thực trạng và giải

pháp”, năm 2022-2025 cho thấy, có 49% ý kiến cho rằng có một số phong tục, tập quán, quy ước của cộng đồng vẫn phù hợp, 19% ý kiến trả lời có nhiều phong tục, tập quán, quy ước vẫn phù hợp, song cũng có đến 29,5% ý kiến cho rằng có nhiều phong tục, tập quán, quy ước của cộng đồng không còn phù hợp. Trong 900 người dân được khảo sát có 12,9% cho rằng, ứng xử hàng ngày chủ yếu theo pháp luật, 4,3% cho rằng chủ yếu ứng xử theo phong tục, tập quán, quy ước, hương ước của cộng đồng; 72% cho rằng vừa ứng xử theo phong tục, tập quán, quy ước, hương ước, vừa tuân thủ pháp luật. Điều này chứng tỏ quá trình thực hiện BDG hiện nay mặc dù tuân thủ pháp luật nhưng vẫn chịu ảnh hưởng nhất định bởi phong tục, tập quán, quy ước của cộng đồng. Khảo sát 210 cán bộ thông qua câu hỏi “Theo ông/bà, các phong tục, tập quán, quy ước có ảnh hưởng như thế nào đối với việc thực hiện bình đẳng giới?”, kết quả cho thấy, có trên 32% đến trên 50% ý kiến trả lời cho rằng, phong tục, tập quán, quy ước có ảnh hưởng tích cực đến việc thực hiện BDG trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, có trên 25% đến trên 41% cho rằng phong tục, tập quán, quy ước không ảnh hưởng đến việc thực hiện BDG.

Bảng 1: Ảnh hưởng của phong tục, tập quán, quy ước đến thực hiện bình đẳng giới

STT	Thực hiện bình đẳng giới	Ảnh hưởng tích cực (%)	Ảnh hưởng tiêu cực (%)	Không ảnh hưởng (%)	Không biết (%)
1	Thực hiện quyền và nghĩa vụ công dân	50,5	11,9	35,2	2,4
2	Giao tiếp với chính quyền	40,0	32,9	25,2	1,9
3	Hôn nhân	40,0	32,9	25,2	1,9
4	Sinh con và chăm sóc con cái	42,9	19,5	35,2	2,4
5	Giáo dục đào tạo	46,2	15,2	36,2	2,4
6	Phân công lao động	32,9	21,9	37,1	8,1
7	Quản lý và phân chia tài sản trong gia đình	39,5	29,0	29,0	2,4
8	Vai trò quyết định trong gia đình	41,0	27,1	29,5	2,4
9	Vai trò của phụ nữ trong cộng đồng và xã hội	44,8	25,7	27,6	1,9
10	Tín ngưỡng, tôn giáo	40,0	26,7	33,3	0
11	Tham gia các lễ hội cộng đồng	45,7	10,5	41,4	2,4
12	Tham gia các phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao	45,7	11,4	41,0	1,9

Nguồn: Kết quả phân tích mẫu phiếu cán bộ của đề tài: “Ảnh hưởng của luật tục đến bình đẳng giới ở vùng dân tộc thiểu số của tỉnh Hà Giang - thực trạng và giải pháp”

Như vậy, việc nhìn nhận đánh giá ảnh hưởng của luật tục đối với thực hiện BDG là khá khách quan, đa số ý kiến cho rằng đến nay luật tục vừa có ảnh hưởng tích cực, vừa có ảnh hưởng tiêu cực. Điều này chứng tỏ quá trình thực hiện BDG hiện nay mặc dù tuân thủ pháp luật nhưng vẫn chịu ảnh hưởng nhất định bởi luật tục của cộng đồng.

Kết quả phỏng vấn sâu cũng cho thấy rõ điều này: “Khi tuyên truyền, phổ biến những quy định của Luật hôn nhân và gia đình, Luật Bình đẳng giới, các chủ trương, chính sách trong xây dựng đời sống văn hóa mới, chính sách đối với phụ nữ, cán bộ nữ... mà gắn ngay với những quy định của luật tục thì đồng bào hiểu nhanh hơn, thực hiện nghiêm túc hơn”- *PVS, cán bộ tổ Hòa giải, 52 tuổi, thôn Minh Khai, xã Quang Minh, huyện Bắc Quang*

Một số phong tục, tập quán trong hôn nhân, gia đình đã tạo cơ sở để thực hiện hôn nhân tiến bộ, xây dựng gia đình hạnh phúc.

Luật tục của các DTTS trên địa bàn tỉnh đều có quy định rõ nguyên tắc hôn nhân một vợ, một chồng. Quy định này tương đồng với những quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, tạo cơ sở để đồng bào thực hiện tốt hình thức hôn nhân tiến bộ. Những quy định trong luật tục đều bảo vệ sự bền vững của hôn nhân, quyền và trách nhiệm của nam và nữ trong kết hôn, bổn phận của vợ và chồng trong hôn nhân, trách nhiệm giữa cha mẹ và các con,... có nhiều điểm tương đồng với pháp luật hiện hành, tạo nên giá trị hỗ trợ, bổ sung cho việc thực hiện pháp luật về BDG. Trả lời câu hỏi “*Theo Ông/bà, việc tổ chức cưới xin ở địa phương hiện nay có thực hiện theo phong tục, tập quán, quy ước, hương ước không?*” có 48,1% cán bộ cho rằng “có”, 51% cho rằng “không”.

Những quy định của luật tục như trường hợp cấm kết hôn, phân chia tài sản có những điểm phù hợp với pháp luật hiện hành nhưng được cụ thể hóa, chi tiết hóa hơn, phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh cụ thể và tư duy của đồng bào. Luật tục quy định loạn luân là một tội lớn vì các dân tộc rất coi trọng việc bảo vệ, giữ gìn nề nếp, đặc biệt quan tâm đến hai lĩnh vực rất quan trọng của đời sống gia đình, đó là quan hệ vợ chồng và quan hệ cha mẹ - các con. Như có các điều về giáo dục vợ chồng, tội xúi giục vợ, chồng người khác; tội con bỏ cha mẹ không chăm sóc, điều con đánh cha mẹ... Luật tục có những điều xử phạt những người

vu khống người khác ngoại tình, dẫn đến tan vỡ gia đình, hay những điều phạt về tội ngược đãi vợ con... đã có ảnh hưởng tích cực đến hôn nhân và gia đình. “Luật tục vẫn tồn tại trong đời sống và có ảnh hưởng đến các dân tộc. Có nhiều quy định của luật tục vẫn đúng, không trái với pháp luật. Nó giúp cho đồng bào hiểu đúng, làm đúng chính sách, pháp luật liên quan đến BDG” - *PVS, người có uy tín, nam, 56 tuổi, xã Bản Phùng, huyện Hoàng Su Phì.*

Luật tục của các DTTS đều có một số quy định đến nay vẫn có giá trị như: quy định về trách nhiệm của vợ chồng trong xây dựng gia đình êm ấm, hòa thuận; Con cái kính trọng cha mẹ (gia đình thường sống chung nhiều thế hệ, 3-4 thế hệ); Thứ bậc trong gia đình giữa bố mẹ - con cái; giữa anh/chị/em, giữa con dâu với bố chồng, anh chồng được xác định rõ ràng và có quy ước ứng xử cụ thể để hạn chế loạn luân... Hay ở một số dân tộc, vẫn duy trì một số tập tục đề cao vai trò của nam giới và nữ giới trong hôn nhân và gia đình như: Tục nhập họ cho con dâu (của người Pà Thẻn), khẳng định vai trò, vị thế của con dâu trong gia đình; Tục “Cấp sắc” (đồng bào Dao) khẳng định vai trò của nam giới đối với gia đình và cộng đồng; Việc kết hôn giữa những người có quan hệ đồng tộc, góp phần giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, nhất là việc giữ gìn tiếng nói, chữ viết của dân tộc (dân tộc Mông, La Chí, Cờ Lao...); Tục kéo vợ nếu theo nguyên gốc truyền thống thì ngoài việc thể hiện quan niệm tự do hôn nhân của người Mông còn đề cao giá trị của người phụ nữ cũng như dẫn dắt, nhắc nhở trách nhiệm giữ gìn hạnh phúc gia đình của chị em phụ nữ... Những phong tục, tập quán này vẫn còn ăn sâu vào đời sống hôn nhân và gia đình, ảnh hưởng trực tiếp đến thái độ, hành vi của nam và nữ trong thực hiện BDG.

Trên cơ sở của luật tục, đồng bào đã thực hiện nghiêm túc những quy định của pháp luật, bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của mình trong các quan hệ hôn nhân và gia đình. Đặc biệt, có một số phong tục, tập quán bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng của phụ nữ trong trường hợp ly hôn, phân chia tài sản, thì chính những quy định của luật tục đã hỗ trợ người dân thực hiện pháp luật tự giác, nghiêm minh hơn. Như vậy, trên cơ sở các quy định của luật tục, pháp luật về hôn nhân và gia đình, bảo đảm BDG trong hôn nhân và gia đình đã thực sự đi vào cuộc sống và được đồng bào tự giác thực

hiện.

Kết quả khảo sát 900 người dân trả lời câu hỏi “Ai quyết định trong sản xuất và đời sống gia đình?” được thể hiện cụ thể ở bảng 2:

Bảng 2: Người quyết định trong sản xuất và đời sống trong gia đình

Các quyết định trong sản xuất và đời sống	Phương án trả lời			
	Vợ (%)	Chồng (%)	Cả hai vợ chồng (%)	Người khác (%)
Sử dụng vốn	1,6	4,7	93,4	0,3
Thay đổi sản xuất, kinh doanh	2,4	13,3	82,1	2,1
Chi tiêu hàng ngày (gạo, thực phẩm...)	19,8	5,0	74,8	0,4
Mua sắm đồ đắt tiền	1,7	24,3	73,1	0,9
Học hành của con cái	1,8	5,8	91,2	1,3
Xây, sửa nhà cửa	1,1	41,2	55,9	1,8
Mua, bán đất	1,4	14,6	83,6	0,4
Số con	1,7	2,6	95,2	0,6
Vui chơi, giải trí	4,1	7,2	84,6	4,0

Nguồn: Kết quả phân tích mẫu phiếu người dân của đề tài: “Ảnh hưởng của luật tục đến bình đẳng giới ở vùng dân tộc thiểu số của tỉnh Hà Giang - thực trạng và giải pháp”

Cũng nội dung trên, có 59,1% ý kiến cán bộ trả lời: cả hai vợ chồng là người quyết định những vấn đề trong sản xuất và đời sống, trong đó tỷ lệ cao nhất là 89,6% (cả hai vợ chồng quyết định việc vui chơi, giải trí của gia đình), tiếp đến là 86,2% (quyết định số con), 84,8% (quyết định việc học hành của con cái), 84,3% (quyết định sử dụng vốn). Đối với việc phân chia tài sản trong gia đình, có 68,1% cho rằng được thực hiện theo quy định của pháp luật, 23,1% cho rằng được thực hiện theo phong tục, tập quán, quy ước, hương ước của cộng đồng. Từ kết quả khảo sát cho thấy, quyền quyết định công việc trong gia đình phần lớn do cả hai vợ chồng. Việc thực hiện quyền này vừa dựa theo quy định của pháp luật, vừa dựa theo phong tục, tập quán, quy ước của cộng đồng. Điều đó khẳng định, việc thực hiện BDG trong gia đình của các DTTS trên địa bàn vừa chịu sự quy định của pháp luật, vừa chịu sự ảnh hưởng của luật tục.

Một số phong tục, tập quán vẫn còn phù hợp, đã và đang tạo cơ sở để thực hiện tốt BDG trong đời sống cộng đồng và xã hội.

Những quy định chặt chẽ của luật tục về cách thức ứng xử với phụ nữ, vai trò của phụ nữ trong đời sống cộng đồng và xã hội đã trực tiếp hỗ trợ việc nâng cao vị thế, vai trò của phụ nữ. Khi các

quy phạm pháp luật chưa đủ để điều chỉnh các quan hệ xã hội trong cộng đồng DTTS, thì luật tục có tác động tích cực, hiệu quả trong điều chỉnh các quan hệ xã hội đó, nhằm bảo đảm sự ổn định của đời sống cộng đồng. Những phong tục, tập quán phù hợp với nguyên tắc của pháp luật đã góp phần nâng cao hiệu quả của BDG trên mọi lĩnh vực của xã hội. “Thiết chế xã hội truyền thống với vai trò của người có uy tín vẫn còn được duy trì, đây là những thành viên rất tích cực trong cộng đồng, tiếng nói của họ ảnh hưởng lớn đến vai trò, vị thế của nữ giới trong đời sống cộng đồng. Hay những người thầy mo, thầy cúng cũng có tiếng nói nhất định trong đời sống cộng đồng. Nếu họ ủng hộ cao những quy định của pháp luật, tham gia vận động đồng bào chấp hành pháp luật thì việc thực hiện trên thực tế sẽ nhanh chóng và đạt hiệu quả cao” - PVS, cán bộ tổ Hòa giải, 61 tuổi, thôn Minh Khai, xã Quang Minh, huyện Bắc Quang.

Luật tục đề cao tính đoàn kết cộng đồng trong mỗi DTTS. Do đó nếu người đứng đầu thôn bản hoặc người có uy tín vận động tích cực sẽ mang lại hiệu quả lớn và lan tỏa rộng trong nhóm cộng đồng, đặc biệt là hòa giải cơ sở và các hoạt động liên quan đến hôn nhân, gia đình, dòng tộc. Tập tục tin và nghe theo thầy mo, thầy cúng xét ở góc

độ nào đó cũng có những mặt tích cực nhất định, nhất là trong việc giải quyết những mâu thuẫn, bất hòa trong gia đình và ngăn chặn các vụ tảo hôn, kết hôn cận huyết (Thầy cúng xem tuổi, xem ngày khi thấy vi phạm pháp luật hôn nhân thì ko cho phép cưới hỏi).

Cách xử lý các vi phạm của luật tục thể hiện tính dân chủ cộng đồng cao. Từ việc hình thành và điều chỉnh các quy định cho đến việc thi hành, bao gồm việc bàn luận công khai dân chủ trong cộng đồng về các vụ việc cùng thống nhất về mức độ và tính chất của lỗi lầm, sai phạm, đến việc đưa ra các mức xử phạt và cuối cùng là theo dõi giúp đỡ sửa chữa, tránh tái phạm. Các điều phạt mang tính chất giáo dục răn đe, ngăn chặn, đề phòng và những điều răn dạy mọi người không nên làm những việc xấu, lấy việc khoan dung, hoà giải làm trọng. Luật tục thể hiện tinh thần trách nhiệm chung của cộng đồng đối với lỗi lầm. Thông thường, trong các luật tục, việc xét xử các tội lỗi, vi phạm phải thực hiện qua các bước từ gia đình, dòng họ rồi mới đến bản làng. Qua cách xử lý như vậy, mọi thành viên từ già tới trẻ được giáo dục ý thức trách nhiệm, tinh thần xây dựng, sự hy sinh những tham vọng cá nhân vì lợi ích chung của gia đình, dòng họ, cộng đồng thôn bản. Như vậy, có thể dựa vào một số phong tục, tập quán tiến bộ, hoặc còn phù hợp với đời sống cộng đồng để thực hiện công tác BDG.

Các giá trị của luật tục như tính tự quản, tính dân chủ, tính cộng đồng, truyền thống đoàn kết, hòa hợp, gắn bó lâu đời của các DTTS có ảnh hưởng tích cực đến việc thực hiện BDG. Trên cơ sở của các giá trị đó đã tạo điều kiện thuận lợi để phụ nữ thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Luật tục có ảnh hưởng tích cực đến nhận thức, thái độ, hành vi tôn trọng phụ nữ của các dân tộc. Những phong tục, tập quán đề cao vị thế, vai trò của người phụ nữ trong xã hội, đã tạo nên sự nhìn nhận, đánh giá khách quan, công bằng đối với phụ nữ trong đời sống cộng đồng và xã hội, từ đó tạo điều kiện thuận lợi để phụ nữ thực hiện quyền và nghĩa vụ công dân, hỗ trợ tích cực cho phụ nữ thực hiện quyền làm chủ của mình trong tham gia các hoạt động xã hội, giải quyết các mối quan hệ cộng đồng và xã hội. Trả lời câu hỏi “Ai là người tham gia các hoạt động cộng đồng?”, có trên 70% ý kiến của người dân cho rằng cả hai vợ chồng đều tham gia vào hoạt động cộng đồng và xã hội, trong đó cả hai vợ chồng tham gia vào lễ hội thôn bản

có tỷ lệ cao nhất (89,1%), tiếp đến là họp thôn bản (82,3%), phong trào văn hóa, văn nghệ (79,8), dự đám hiếu/hi (79,7)... Điều này cho thấy, trong văn hóa của các DTTS nói chung, luật tục đã có ảnh hưởng tích cực đến nhận thức, thái độ, hành vi tôn trọng phụ nữ của họ. Trong văn hóa của một số dân tộc ít người như dân tộc Cờ Lao, La Chí..., người phụ nữ rất được coi trọng. Chính giá trị đó đã tạo điều kiện để phụ nữ dân tộc Cờ Lao, La Chí thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình và như thế, luật tục đã có ảnh hưởng tích cực đến nhận thức, thái độ, hành vi tôn trọng phụ nữ của những dân tộc này. Những quy định của luật tục về vị thế, vai trò của người phụ nữ trong xã hội, đã làm cho các DTTS nhìn nhận, đánh giá khách quan, công bằng hơn đối với phụ nữ.

4.2. Ảnh hưởng tiêu cực của luật tục đến bình đẳng giới ở vùng dân tộc thiểu số, tỉnh Hà Giang.

Bên cạnh những luật tục còn phù hợp, vùng DTTS của tỉnh Hà Giang vẫn còn tồn tại những luật tục lạc hậu đã và đang tạo nên sự bất BDG; một số hủ tục tồn tại dai dẳng, ảnh hưởng tiêu cực đến thực hiện BDG của đồng bào DTTS.

Định kiến giới, tư tưởng “Trọng nam khinh nữ” tồn tại lâu đời trong đời sống đồng bào đã cản trở việc thực hiện BDG trong gia đình, cộng đồng và xã hội.

Nhiều DTTS vẫn có định kiến về giới khá sâu sắc, nhiều phong tục tập quán có sự phân định rất rõ ràng bổn phận của nam và nữ giới, trong đó có những phong tục, tập quán đề cao vai trò của nam giới, gây nên sự bất bình đẳng đối với nữ giới. Người Mông là một ví dụ điển hình. Đồng bào quan niệm: “Hổ chết còn da, bò chết còn sừng, bố chết còn con trai”, con gái bị coi như “bát nước đổ ra cửa”. Nếu gia đình không có nam giới thì khó khăn cả trong sản xuất lẫn giao tiếp: “Đàn bà làm chủ thì nghèo, gà mái gáy thì gở”. Quan niệm coi trọng việc sinh con trai chỉ phối nặng nề đối với người Mông, dẫn đến tập tục sinh nhiều con. Người Dao cũng đặc biệt coi trọng con trai, vì con trai mới làm được việc thờ cúng tổ tiên, nối dõi dòng họ. Từ quan niệm này, dẫn đến hộ gia đình người Dao sinh nhiều con, đàn ông dân tộc Dao được làm lễ cấp sắc. Đồng bào quan niệm đàn ông chỉ thực sự trưởng thành khi trải qua lễ cấp sắc, được công nhận là thành viên chính thức của cộng đồng. Trong quan hệ gia đình, người chồng mới là đại diện ứng xử với láng giềng, cộng đồng; phụ nữ

ít có tiếng nói hoặc ít làm chủ gia đình. Điều này dẫn đến nhiều thiệt thòi cho nữ giới như ít được đi học (nhất là ở các cấp học cao), ít được tham gia các hoạt động cộng đồng, xã hội.

Theo kết quả khảo sát 900 người dân của đề tài, có 33,6% ý kiến trả lời cho rằng có đề cử, ứng cử, bầu cử phụ nữ vào các chức vụ lãnh đạo, quản lý ở địa phương, 51,9% cho rằng có nhưng ít và 12,9% cho rằng không tham gia đề cử, ứng cử, bầu cử phụ nữ vào các chức vụ lãnh đạo, quản lý ở địa phương. Nội dung này cho thấy, định kiến giới còn tồn tại khá sâu sắc trong đời sống chính trị của cộng đồng.

Nhiều phong tục, tập quán bất bình đẳng với phụ nữ đã gây ảnh hưởng tiêu cực đến sự phát triển toàn diện của phụ nữ và trẻ em gái.

Các DTTS đều theo chế độ phụ quyền nên điều duy trì tục lệ phụ nữ lấy chồng phải ở nhà chồng, chăm lo vun vén nhà chồng dẫn đến nhiều gia đình đều mong muốn đẻ được con trai để nối dõi tông đường, là trụ cột của gia đình sau này. Vì vậy, tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên trong đồng bào DTTS còn nhiều, ảnh hưởng đến sức khỏe của phụ nữ sau mỗi lần sinh con. Ngoài ra, tục ép duyên, tục “nối dây” (chồng chết chị dâu phải lấy em trai của chồng) của người Mông ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển của trẻ em và phụ nữ. Do quan niệm con gái lớn lên là đi lấy chồng không ở với bố mẹ nên một số gia đình không quan tâm, không đầu tư cho con gái học tập ngay từ bé đã để bé gái bỏ học giữa chừng đi lấy chồng, sinh con, dẫn đến còn nhiều phụ nữ mù chữ và tái mù chữ. Đây là rào cản đối với phụ nữ trung tuổi trong tham gia vào các khóa đào tạo nghề, khuyến nông, khuyến lâm; tiếp thu các kiến thức, thông tin...

Do từ khi sinh ra trọng lượng, thể trạng bé gái đã yếu hơn so với bé trai, trong quá trình chăm sóc ở điều kiện còn gặp nhiều khó khăn; kết hợp với quan niệm khi ốm đau, không đưa đi bệnh viện khám chữa bệnh mà cúng giải hạn ở nhà, nên đã ảnh hưởng tới công tác chăm sóc sức khỏe phụ nữ. Bên cạnh đó có nhiều phụ nữ DTTS với thể trạng nhỏ bé, phải gánh chịu thêm các hình thức bạo lực do chồng gây ra, đặc biệt là các hành vi bạo lực thể chất. “Định kiến giới và nhiều phong tục, tập quán của người Mông rất khắc khe với phụ nữ đã ảnh hưởng rất lớn đến mọi mặt đời sống của phụ nữ và trẻ em gái. Các dân tộc khác thì ít khắc khe hơn và mức độ ảnh hưởng của luật tục đến phụ nữ

và trẻ em gái đã giảm đi nhiều” - PVS, cán bộ nữ, 45 tuổi, xã Túng Sán, huyện Hoàng Su Phì.

Một số phong tục, tập quán lạc hậu đã gây nên tình trạng bất bình đẳng giới trong lao động, sản xuất.

Do quan niệm “việc trong gia đình là của người phụ nữ” phụ nữ làm nội trợ, phụ nữ chăm sóc các thành viên gia đình... tỉ lệ lao động nữ DTTS làm các công việc “lao động gia đình, không hưởng lương” cao hơn so với nam giới. Thời gian làm việc gia đình, không hưởng lương cao nên việc phụ nữ ra ngoài tìm kiếm việc làm có lương còn gặp nhiều khó khăn. Một phần do phụ nữ DTTS ít có cơ hội học hành, nâng cao trình độ hơn so với nam giới dẫn đến trình độ của lao động nữ DTTS cũng thấp hơn, công việc kém ổn định hơn so với lao động nam DTTS. Kết quả khảo sát 900 người dân cho thấy: có khá nhiều công việc do người vợ đảm nhiệm như gieo trồng, thu hoạch, bảo quản nông sản; chăm sóc gia súc, gia cầm, bán sản phẩm (nông sản, thủ công), nấu ăn, giặt giũ, đi chợ, giã gạo... trong đó có cả những công việc nặng nhọc người phụ nữ cũng phải đảm nhiệm. Tỷ lệ cho rằng người vợ thường xuyên đảm nhiệm công việc trên dao động từ trên 17% đến 54,9%, trong khi tỷ lệ ở các công việc này với người chồng lại rất thấp. Đặc biệt, ở phụ nữ dân tộc Mông việc phải đảm nhiệm quá nhiều công việc trong ngày gần như đã vắt kiệt sức lực, họ gần như bám riết lấy công việc gia đình, đồng ruộng mà quên đi các công việc cộng đồng và xã hội.

Trong vai trò cộng đồng, các công tác xã hội, tỷ lệ nữ giới tham gia còn rất thấp do phụ nữ hầu như đều phải đảm nhiệm vai trò chính trong tái sản xuất như nam giới, nhưng lại không được đánh giá cao, do đó có ít thời gian và tâm sức để tham gia hoạt động cộng đồng. Họ không có thời gian để nâng cao kiến thức, kỹ năng, giao tiếp, hòa nhập xã hội; thậm chí còn không có thời gian nghỉ ngơi, chăm sóc cho bản thân.

Phụ nữ tham gia lao động trong lĩnh vực nông lâm nghiệp rất nhiều, vì thời gian không khắt khe, linh hoạt, thuận lợi kết hợp với vừa làm việc nhà, vừa làm nông nghiệp. Trong khi đó, do nhận thức, tiếp cận với thông tin, đào tạo bồi dưỡng ít hơn nam giới nên dẫn đến chị em phụ nữ chưa mạnh dạn đầu tư kinh doanh làm nông nghiệp với quy mô lớn, do đó quy mô sản xuất kinh doanh của chị em còn nhỏ lẻ. Trong vai trò sản xuất, cả phụ nữ

và nam giới đều tham gia vào các hoạt động tạo ra sản phẩm, hàng hóa, tuy nhiên, do còn định kiến trong xã hội nên mức độ tham gia của nam và nữ vào các hoạt động này cũng không giống nhau; giá trị sức lao động và đóng góp của nam và nữ cũng không được nhìn nhận như nhau, thường là nam giới được đánh giá cao hơn và có mức thu nhập tốt hơn.

Tục tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống ảnh hưởng nghiêm trọng đến thực hiện bình đẳng giới.

Tục tảo hôn còn được duy trì ở nhiều dân tộc, ảnh hưởng tiêu cực đến sự phát triển của trẻ em gái và phụ nữ. Các em đang trong độ tuổi học phổ thông, nếu không có điều kiện đi học tiếp, bố mẹ sẽ cho cưới hỏi, thậm chí có em đang đi học tại các trường dân tộc nội trú của huyện cũng bị gia đình ép cưới; tục “kéo vợ” cũng là một trong những nguyên nhân dẫn đến tình trạng tảo hôn. Mặt khác, quan niệm kết hôn sớm là để có thêm nhân lực lao động trong gia đình. Việc khuyến khích kết hôn đồng tộc ở dân tộc Mông, Cờ Lao, La Chí... đã dẫn đến tình trạng hôn nhân cận huyết thống. Do quan niệm những người có quan hệ anh em, kết hôn với nhau sẽ gần gũi, thân thiết hơn; đặc biệt là không phải phân chia tài sản cho người ngoài, không sợ mất con, mất của nên dẫn đến tình trạng con dì lấy con dâ (con chị lấy con em gái) hoặc con cô lấy con cậu (con chị gái lấy con em trai).

Những tập tục này vẫn còn tồn tại, gây nhiều hệ lụy đối với thực hiện BDG. Năm 2023, toàn tỉnh có 6.506 cặp kết hôn, trong đó có 176 cặp tảo hôn, chiếm 2,7%; 01 cặp hôn cận huyết thống, chiếm 0,015%. Tổng số dân tộc tảo hôn 259 người, trong đó: dân tộc Mông 210 người; Dao 22 người; Tày 14 người; Nùng 12; Giáy 1 người (Báo phụ nữ Việt Nam điện tử, 2024).

Theo kết quả khảo sát 210 cán bộ, có 13,8% cán bộ trả lời ở địa phương có tục bắt vợ; 51,4% cho rằng có tình trạng tảo hôn; 26,2% cho rằng có tình trạng hôn nhân cận huyết thống. Hậu quả của tảo hôn và kết hôn cận huyết làm suy thoái nòi giống, ảnh hưởng đến chất lượng nguồn nhân lực, trẻ em mất đi cơ hội học tập và tham gia các hoạt động chính trị, xã hội đặc biệt là trẻ em gái. Đồng thời, kéo theo nhiều hệ lụy xã hội, như nghèo đói, ốm đau bệnh tật, hôn nhân thiếu bền vững, vi phạm Luật Hôn nhân và gia đình và các quy định trong việc cưới hỏi.

5. Bàn luận

Thực tiễn thực hiện luật tục trong cộng đồng DTTS tại Hà Giang cho thấy, khi các quy định tiên bộ của luật tục phù hợp với pháp luật, nhận thức của người dân về vai trò của pháp luật càng được nâng cao. Điều này giúp luật tục giữ vững vai trò điều chỉnh hành vi trong cộng đồng, đồng thời tạo sự tương đồng giữa luật tục và pháp luật. Nhờ đó, người dân có xu hướng tuân thủ nghiêm túc cả hai hệ thống quy tắc, tránh vi phạm cả luật tục lẫn pháp luật. Có thể nói, pháp luật đóng vai trò là môi trường hỗ trợ để luật tục tiếp tục tồn tại và phát triển trong đời sống cộng đồng. Khi pháp luật được thực thi hiệu quả, nó còn tạo cơ sở cho những điều chỉnh tiến bộ trong luật tục, chẳng hạn như các quy định về lựa chọn dân tộc hoặc họ cho con. Đây là minh chứng cho thấy sự đồng hành giữa pháp luật và luật tục trong việc điều chỉnh các mối quan hệ xã hội ở thôn, bản.

Tuy nhiên, trong một số trường hợp, luật tục vẫn tồn tại những quy định mâu thuẫn với pháp luật về BDG, dẫn đến tình trạng người dân tuân theo luật tục mà không nhận thức được rằng mình đang vi phạm pháp luật. Chẳng hạn, nhiều cộng đồng DTTS không quy định cụ thể độ tuổi kết hôn mà chỉ dựa vào kinh nghiệm truyền thống để đánh giá độ trưởng thành, điều này dẫn đến tình trạng tảo hôn. Bên cạnh đó, quan niệm dòng họ theo phụ hệ cũng là nguyên nhân dẫn đến hôn nhân cận huyết. Do chưa hiểu rõ quy định pháp luật, nhiều người dân vẫn tin rằng những hành vi này không vi phạm, chỉ khi bị xử lý bởi cơ quan chức năng, họ mới nhận thức được vấn đề. Điều này cho thấy, nếu pháp luật về BDG được tuyên truyền sâu rộng, giúp người dân hiểu rõ, họ sẽ có nhận thức và hành vi đúng đắn hơn, tránh vi phạm cả pháp luật lẫn luật tục.

Ngoài ra, một số luật tục của các dân tộc vẫn có những quy định không phù hợp với pháp luật hiện hành về các vấn đề như nhận con nuôi, ly hôn. Việc tuân theo luật tục trong những trường hợp này có thể khiến người dân vô tình vi phạm pháp luật. Bên cạnh đó, chế tài xử phạt theo luật tục, thường là hình thức phạt đền nặng bằng hiện vật, không chỉ nhằm bồi thường cho người bị hại mà còn có yếu tố răn đe với cả cộng đồng. Tuy nhiên, cách xử lý này đôi khi không đảm bảo quyền lợi cho người vi phạm theo quy định của pháp luật.

Từ thực tế trên, việc giáo dục, tuyên truyền và truyền thông nâng cao nhận thức, hiểu biết pháp luật về BDG cho đồng bào DTTS tại Hà Giang là điều cần thiết. Đồng thời, cần hướng dẫn cộng đồng cách vận dụng luật tục một cách linh hoạt, phù hợp với pháp luật hiện hành, nhằm đảm bảo quyền lợi cho tất cả mọi người và thúc đẩy sự phát triển bền vững trong cộng đồng.

6. Kết luận

Luật tục tác động đến thực hiện BDG trong cộng đồng các DTTS ở Hà Giang dưới cả hai góc độ tích cực và tiêu cực. Ảnh hưởng tích cực của luật tục đã góp phần nâng cao nhận thức, điều chỉnh thái độ, hành vi của đồng bào trong thực hiện chính sách, pháp luật về BDG. Những phong tục, tập quán tiến bộ, còn phù hợp đã góp phần làm cho đồng bào chấp hành pháp luật tự giác, nghiêm minh hơn. Bên cạnh đó, luật tục vẫn tồn tại nhiều

quy định lạc hậu, không còn phù hợp, ảnh hưởng tiêu cực đến thực hiện BDG. Định kiến giới, tư tưởng “Trọng nam khinh nữ” đã cản trở việc thực hiện BDG trong gia đình, cộng đồng và xã hội. Nhiều phong tục, tập quán đã gây ảnh hưởng tiêu cực đến sự phát triển toàn diện của phụ nữ và trẻ em gái. Một số phong tục, tập quán lạc hậu đã gây nên tình trạng bắt BDG trong lao động, sản xuất. Một số nội dung của luật tục không phù hợp hoặc mâu thuẫn với pháp luật về BDG dẫn đến việc người dân tuân thủ luật tục thì không tuân thủ pháp luật... Do đó cần nhận thức đúng đắn những phong tục, tập quán còn giá trị, tiến bộ để phát huy, đồng thời kiên quyết loại bỏ những hủ tục lạc hậu, ảnh hưởng tiêu cực đến thực hiện BDG, nhất là việc nâng cao vị thế của phụ nữ DTTS trong xã hội hiện đại.

Tài liệu tham khảo

- Cuong, P. H. (2021). Một số yếu tố ảnh hưởng đến kết quả thực hiện bình đẳng giới ở khu vực miền núi phía Bắc nước ta hiện nay. *Tạp chí Nghiên cứu Dân tộc*, 10(3).
- Bao phụ nữ Việt Nam điện tử. (2024). Hà Giang: Ty lệ tạo hôn, kết hôn can huyết thông giảm trong vùng đông bào dân tộc thiểu số. Truy cập ngày 10 tháng 02 năm 2025 từ <https://phunuvietnam.vn/ha-giang-ty-le-tao-hon-ket-hon-can-huyet-thong-giam-trong-vung-dong-bao-dan-toc-thieu-so-20240916095151359.htm>
- Hang, T. M. (2001). Một số phong tục tập quán ảnh hưởng tới chăm sóc sức khỏe sinh sản cho phụ nữ các dân tộc tỉnh Hà Giang. *Tạp chí Dân số và phát triển*.
- Mung, B. T. (2008). Những yếu tố xã hội tác động đến thực hiện luật bình đẳng giới. *Tạp chí Luật học*, 16(3), 40-43.
- Thu, N. L. (2012). Tam lý tu ti, an phận của phụ nữ và sự bất bình đẳng giới trong gia đình dân tộc H'Mong ở Hà Giang. *Tạp chí Dân tộc và Thời đại*, 146.
- Thu, N. L. (2016). Tác động của phong tục tập quán thực hiện bình đẳng giới trong lao động gia đình dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc. *Tạp chí Lao động và công đoàn*.
- Thu, N. L. (2017). *Bình đẳng giới trong lao động gia đình dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc Việt Nam hiện nay* (Luan an Tiến sĩ, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh).
- Tam, C. T. T. (2021). *Tìm hiểu luật tục của người Koho Lach ở huyện Lạc Dương tỉnh Lâm Đồng và ảnh hưởng của nó trong đời sống hiện tại*. (Đề tài khoa học cấp cơ sở, Trường Đại học Đà Lạt).

THỰC TRẠNG ẢNH HƯỞNG CỦA LUẬT TỤC ĐẾN BÌNH ĐẲNG GIỚI Ở VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ CỦA TỈNH HÀ GIANG²

Vũ Thị Thanh Minh

Trường Đại học Thành Đô

Email: vttminh@thanhdouni.edu.vn

Ngày nhận bài: 13/3/2025; Ngày phản biện: 16/3/2025; Ngày tác giả sửa: 20/3/2025;

Ngày duyệt đăng: 28/3/2025

DOI: <https://doi.org/10.58902/tcnckhpt.v4i1.219>

Tóm tắt: Bình đẳng giới là một trong những quyền cơ bản của con người và sự giải phóng phụ nữ chính là thước đo trình độ phát triển, tiến bộ của một xã hội dân chủ. Ở Việt Nam, trong những năm qua, quan điểm, chính sách của Đảng, Nhà nước về bình đẳng giới ngày càng hoàn thiện và được tổ chức thực hiện có hiệu quả, tạo sự chuyển biến toàn diện về nhận thức và hành vi đối với việc bảo vệ quyền bình đẳng của phụ nữ đối với nam giới về kinh tế, chính trị, văn hóa xã hội trong gia đình và ngoài cộng đồng. Là một tỉnh biên giới đặc biệt khó khăn, Hà Giang đã và luôn đặc biệt quan tâm tới công tác bình đẳng giới. Trước thực tế nhiều phong tục, tập quán lạc hậu còn ảnh hưởng nhiều đến bình đẳng giới trong cộng đồng các dân tộc thiểu số, Hà Giang đã và đang triển khai thực hiện nhiều chủ trương, giải pháp quyết liệt để phát huy giá trị tích cực, đồng thời ngăn chặn những ảnh hưởng tiêu cực của luật tục đến bình đẳng giới. Bài viết nghiên cứu thực trạng ảnh hưởng của luật tục đến bình đẳng giới ở vùng dân tộc thiểu số, tỉnh Hà Giang. Trên cơ sở đó, bàn luận về một số vấn đề đặt ra trong quá trình vận dụng luật tục vào bình đẳng giới, nhằm phát huy tốt hơn vai trò của luật tục trong thực hiện bình đẳng giới trên địa bàn.

Từ khóa: Ảnh hưởng của luật tục đến bình đẳng giới; Bình đẳng giới; Dân tộc thiểu số; Luật tục; Tỉnh Hà Giang.

² Bài viết là kết quả nghiên cứu của đề tài “Ảnh hưởng của luật tục đến bình đẳng giới ở vùng dân tộc thiểu số của tỉnh Hà Giang – thực trạng và giải pháp“, năm 2022-2025